TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC **Độc lập - Tự do - H phúc**
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 28 /2021/HS-ST
Ngày: 10 /3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: **Bà Lê Thị Hồng Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Tấn Đấu

2/ Ông Ngô Rạng Đông

-Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: **Ông Lê Hữu Nghị** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ú (Nguyễn Thị Thùy D), sinh năm: 1984, tại: KL, KG; Nơi ĐKTT: khu phố BH, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ; Chồng: Trần Thanh S; Con: 01 người, sinh năm 2016; Tiền án: Vào ngày 12/11/2004 Tòa án nhân dân thị xã RG xử phạt 03 năm tù về tội 'Trộm cắp tài sản'; Ngày 17/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện KH xử phạt 12 tháng tù về tội 'Trộm cắp tài sản'; Ngày 07/02/2020 Tòa án nhân dân huyện PQ xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích. Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 07/11/2020. (có mặt)

Bị hại: Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Chổ ở: kp 10, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh KG. (Nay là phường DĐ, thành phố PQ)

(Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ú hay đến cửa hàng bán quần áo của chị Hồ Thị Mỹ H thuộc kp 10, thị trấn DĐ, huyện PQ (Nay là phường DĐ, thành phố PQ) để mua quần áo, Ú nhìn thấy cái máy tính bảng để trong cửa hàng không có người trong giữ, nên Ú nảy sinh ý định trộm cắp cái máy tính bán để có tiền tiêu xài. Đến khoảng 16 giờ 30 phÚ, ngày 05/11/2020, Nguyễn Thị Ú đi bộ đến cửa hàng quan sát thấy chị H đang ngồi làm việc trước cửa hàng, lợi dụng chị H không chú ý, Ú lén lút đi vào cửa hàng, lấy trộm 01 cái máy tính bảng hiệu Apple, loại Ipad 4 của chị H để trên bàn giấu vào trong người đi bộ về phòng trọ của Ú, ở khu phố 8 cất giấu để tìm nơi tiêu thụ. Đến ngày 07/11/2020, Công an huyện PQ phát hiện tài sản lấy trộm, nên giữ Ú trong trường hợp khẩn cấp. Đến ngày 10/11/2020, Nguyễn Thị Ú bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PQ khởi tố, tạm giam để điều tra. (Nay là Công an thành phố PQ)

*Tang vật thu giữ: 01 máy tính bảng hiệu Apple, loại Ipad 4, màu xám bạc, số Model: A 1460, số ID : BCGA 1460, số IC: 579C – A 1460, bị nứt màn hình, đã qua sử dụng. Tài sản trên đã trả lại cho chủ sở hữu.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 77/KL-HĐĐGTS, ngày 10/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện PQ kết luận:

- 01 máy tính bảng hiệu Apple, loại Ipad 4, màu xám bạc, số Model: A 1460, số ID : BCGA 1460, số IC: 579C – A 1460, bị nứt màn hình, đã qua sử dụng, có giá trị là 2.100.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định số 77/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện PQ, tỉnh KG.(Nay thành phố PQ, tỉnh KG)

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSPQ ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ú về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ú về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ú từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: đã trả cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng viện kiểm sát truy tố và Lời nói sau cùng của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố PQ, tỉnh KG, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG đã tuân thủ nghiêm các quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ: Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Thị Ú đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản bán kiếm tiền tiêu xài. Khoảng 16 giờ 30 phÚ, ngày 05/11/2020 Ú đã lén lút đi vào cửa hàng bán quần áo của chị H thuộc kp 10, phường DĐ, thành phố PQ lấy trộm một máy tính bảng hiệu Apple, loại Ipad 4 của chị H, đến ngày 07/11/2020, Công an thành PQ phát hiện tài sản lấy trộm nên giữ Ú trong trường hợp khẩn cấp. Tài sản bị cáo lấy trộm có giá trị là 2.100.000đ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thị Ú đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vào ngày 12/11/2004 Tòa án nhân dân thị xã RG xử phạt 03 năm tù về tội 'Trộm cắp tài sản'; Ngày 17/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện KH xử phạt 12 tháng tù về tội 'Trộm cắp tài sản'; Ngày 07/02/2020 Tòa án nhân dân huyện PQ xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 20/7/2020 chấp hành xong bản án về hình phạt tù, chưa được xóa án tích, mới chấp hành án xong chưa được bao lâu nay lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, nghị cần xử bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng**;** về tình tiết giảm nhẹ: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về xử lý vật chứng: đã trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát: Tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Nguyễn Thị Ú phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Nguyễn Thị Ú 02 (Hai) năm tù về tội trộm cắp tài sản.Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/11/2020.

2. Về xử lý vật chứng: đã trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KG xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- VKSND TP PQ;
- Nhà tạm giữ TP PQ;
- Đội tổng hợp CA thành phố PQ;
- THA thành phố PQ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Tâm